

Số: 376/TB-HĐND

Cần Thơ, ngày 19 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả Kỳ họp thứ Bảy (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, HĐND¹ thành phố Cần Thơ Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 tổ chức Kỳ họp thứ Bảy (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) tại Trung tâm Hội nghị tỉnh Hậu Giang (cũ).

Đại biểu tham dự, gồm có: 120/138 đại biểu HĐND thành phố được triệu tập; đồng chí Lê Quang Tùng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy; đồng chí Trương Cảnh Tuyên, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố; các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy; Phó Chủ tịch UBND thành phố; Ủy ban MTTQVN thành phố; Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban của HĐND thành phố; thủ trưởng một số sở, ban, ngành thành phố; lãnh đạo Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND thành phố, Văn phòng UBND thành phố; cùng phóng viên các cơ quan báo, đài của Trung ương và địa phương đến dự, đưa tin.

Kỳ họp khai mạc vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 8/12/2025. Sau khi thực hiện phần nghi thức, phát biểu khai mạc kỳ họp của Chủ tịch HĐND thành phố, Chủ tọa kỳ họp điều hành các nội dung theo chương trình với 05 phiên họp. Tại kỳ họp, HĐND thành phố đã thảo luận và quyết nghị thông qua 37 nghị quyết (trong đó có 23 nghị quyết quy phạm pháp luật), cụ thể:

1. Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định 06 nguyên tắc, 03 tiêu chí và quy định cụ thể định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 tại các phụ lục kèm theo Nghị quyết. Cụ thể:

a) Các nguyên tắc, gồm: Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách địa phương; định mức phân bổ chi thường xuyên: là cơ sở để xây dựng dự toán chi thường xuyên cho 02 cấp ngân sách; gắn với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cấp chính quyền; đảm bảo chi trả đủ lương và các khoản có tính chất lương, sau đó mới đến nhiệm vụ

¹ Từ viết tắt: Hội đồng nhân dân: HĐND; Ủy ban nhân dân: UBND; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: MTTQVN.

chi thường xuyên khác²; đảm bảo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, gắn với cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; đồng thời, được xây dựng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và nghị quyết HĐND thành phố, đảm bảo chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ, mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước.

b) Về tiêu chí: xác định theo số liệu dân số năm 2025 theo cơ quan Thống kê thành phố; áp dụng theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và được xác định trên cơ sở quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền theo quy định; đồng thời, phải được phân bổ dự toán: theo số Trung ương giao, theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, theo nhiệm vụ được giao và đặt hàng phục vụ nhiệm vụ chính trị, theo số lượng của đề án vị trí việc làm được phê duyệt, theo khoảng cách; đối với các đơn vị sự nghiệp công lập³ hoạt động theo mô hình cơ chế tự chủ tài chính thuộc trường hợp thu không đủ chi, thì không tính định mức chi cụ thể, ngân sách chỉ cấp phần chênh lệch thu, chi; các xã, phường không thành lập hoặc có thành lập Trung tâm Chính trị.

c) Quy định cụ thể định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 tại 02 phụ lục kèm theo Nghị quyết.

2. Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định tiêu chí bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định tiêu chí bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi theo các Nghị quyết của HĐND thành phố về chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ.

3. Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã. Trong đó:

² Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phần đầu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

³ Thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Quy định các khoản thu ngân sách cấp thành phố và cấp xã được hưởng 100% và các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp thành phố và cấp xã.

- Quy định phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và cấp xã.

4. Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030, thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 thành phố Cần Thơ, với bố cục gồm: 03 chương, 08 điều, trong đó:

- Chương I, gồm 02 điều, quy định về: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng của Nghị quyết.

- Chương II, gồm 04 điều, quy định các nội dung cụ thể trong giai đoạn 2026 - 2030 về: nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương; định mức chung phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cho các xã, phường; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương bổ sung có mục tiêu cho xã, phường.

- Chương III, gồm 02 điều, quy định về tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

5. Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030

Nghị quyết quy định 09 nội dung liên quan đến chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, cụ thể:

a) Loại hình công nghệ được hỗ trợ, gồm: (1) công nghệ nhằm nâng giá trị gia tăng, cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; công nghệ giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động; công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng; (2) tiếp nhận công nghệ tiên tiến; các phương pháp gia công mới, tiên tiến; công nghệ thuộc các lĩnh vực khuyến khích chuyển giao; (3) nghiên cứu tạo công nghệ mới, thiết kế, chế tạo thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị nhập ngoại, nghiên cứu giải mã công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ.

b) Nguyên tắc hỗ trợ: (1) đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả, đúng mục đích, không trùng lặp; (2) chỉ hỗ trợ đối với các nhiệm vụ chưa thực hiện bằng nguồn vốn của Nhà nước hoặc chưa nhận từ nguồn khác của Nhà nước; (3) hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã nhận công nghệ được chuyển giao từ các doanh nghiệp, hợp tác xã chưa được hỗ trợ theo Nghị quyết này hoặc chưa nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; (4) hỗ trợ cho doanh nghiệp,

hợp tác xã nhận công nghệ không thuộc Danh mục hạn chế hoặc cấm chuyển giao⁴ hoặc dự án nghiên cứu có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng và sức khỏe con người; (5) chỉ hỗ trợ một lần và cho một doanh nghiệp, hợp tác xã đối với công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ tương tự nhau; (6) trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ thì doanh nghiệp, hợp tác xã được chọn chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ có mức hỗ trợ cao nhất.

c) Hình thức hỗ trợ thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

d) Mức hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện⁵; đồng thời, kinh phí hỗ trợ cho các nhiệm vụ không vượt quá 06 tỷ đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã trong một nhiệm vụ; mỗi doanh nghiệp, hợp tác xã được hỗ trợ tối đa 02 nhiệm vụ. Đối với các hoạt động khác⁶ thì thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành về thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước.

đ) Thủ tục xét hỗ trợ thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

e) Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu, thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được thực hiện theo đúng quy định⁷ và một số nội dung quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

g) Quản trị rủi ro trong thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 38 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

h) Kinh phí thực hiện chính sách: nguồn kinh phí chi sự nghiệp khoa học công nghệ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ; vốn doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác

⁴ Theo quy định của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

⁵ Đối với các nhiệm vụ đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình công nghệ, thiết kế, chế tạo, ứng dụng thiết bị có hàm chứa công nghệ để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

⁶ Gồm nhiệm vụ: xây dựng và triển khai các hoạt động nâng cao năng lực công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến trong sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, có tính cạnh tranh cao trên thị trường, đánh giá hiện trạng, trình độ và năng lực công nghệ trong các ngành, lĩnh vực; xây dựng, thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu về công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, nhu cầu công nghệ, chuyên gia công nghệ.

⁷ Tại Điều 31, Điều 32 và Điều 33 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

theo quy định của pháp luật. Kinh phí thực hiện chính sách⁸ được bảo đảm chi cho “mức hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ” và “thủ tục xét hỗ trợ”.

h) Điều khoản chuyển tiếp, đối với các nhiệm vụ: đã nghiệm thu trước khi Nghị quyết có hiệu lực, thì thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm nghiệm thu; đã được phê duyệt nhưng chưa nghiệm thu, thì được xem xét tiếp tục thực hiện và thanh quyết toán theo quy định tại Nghị quyết này; chưa được phê duyệt hoặc chưa có quyết định cấp kinh phí, thì áp dụng theo quy định tại Nghị quyết này.

6. Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định 03 nội dung liên quan đến mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí, cụ thể:

a) Miễn phí, lệ phí:

- Miễn thu phí, lệ phí đối với các đối tượng bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.

- Miễn phí, lệ phí đối với các trường hợp ngoài quy định nêu trên, bao gồm: phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố; phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp; phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp đăng ký biến động đất đai và miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; lệ phí hộ tịch; lệ phí đăng ký kinh doanh.

b) Mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu phí, gồm: mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) trích lại cho đơn vị thu đối với các khoản phí (phí thuộc các lĩnh vực: giao thông vận tải; văn hóa, thể thao, du lịch; nông nghiệp và môi trường; tư pháp) và mức thu đối với một số khoản lệ phí khác.

c) Quy định kê khai, thu, nộp phí, lệ phí, gồm:

- Người nộp có thể thực hiện nộp phí, lệ phí không dùng tiền mặt qua tài khoản chuyên thu của tổ chức thu tại tổ chức tín dụng, tài khoản phí chờ nộp tại Kho bạc Nhà nước, hoặc qua cơ quan trung gian trong trường hợp thủ tục hành chính công trực tuyến. Nộp tiền mặt trực tiếp cho tổ chức thu phí, lệ phí.

- Tổ chức thu phí, lệ phí nộp toàn bộ số tiền thu được vào tài khoản phí chờ nộp tại Kho bạc Nhà nước và nộp lệ phí vào ngân sách nhà nước hàng tháng.

⁸ Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã sử dụng kinh phí hỗ trợ đổi mới công nghệ phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

- Tổ chức thu phí, lệ phí phải kê khai, nộp tiền vào ngân sách hàng tháng, quyết toán năm theo quy định của Luật Quản lý thuế.

- Tiền lãi phát sinh từ tài khoản chuyên thu phí, lệ phí tại tổ chức tín dụng phải nộp vào ngân sách nhà nước cùng với số tiền phí, lệ phí hàng tháng.

d) Điều khoản chuyển tiếp:

- Các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến phí, lệ phí trước khi Nghị quyết này có hiệu lực sẽ áp dụng quy định về thu phí, lệ phí theo các nghị quyết tương ứng của các địa phương trước khi sáp nhập⁹.

- Các nội dung khác liên quan đến mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

7. Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp, gồm chi cho các hoạt động: giám sát, khảo sát, thẩm tra, chất vấn, các cuộc họp, hội nghị, kỳ họp, xây dựng nghị quyết, tiếp xúc cử tri, công tác phí, tổng kết nhiệm kỳ, chế độ báo chí, thông tin, phương tiện làm việc, may lễ phục, hỗ trợ hoạt động đối ngoại và các chế độ thăm hỏi, trợ cấp, lễ Tết, thi đua và các khoản chi khác liên quan đến hoạt động của HĐND các cấp. Nguồn kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

8. Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, gồm chi cho các hoạt động: tổ chức hội nghị, bồi dưỡng các cuộc họp, công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử, xây dựng văn bản, bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử, khoán hỗ trợ cước điện thoại di động, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, đóng hòm phiếu, khắc dấu,

⁹ Cụ thể: Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 07/07/2017 của HĐND thành phố Cần Thơ về mức thu, miễn, giảm các khoản phí, lệ phí. Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND. Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 05/07/2024 của HĐND thành phố Cần Thơ về miễn, giảm một số khoản phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 của HĐND tỉnh Hậu Giang (cũ) về quy định các khoản thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Sóc Trăng (cũ) về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí. Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 17/04/2024 của HĐND tỉnh Sóc Trăng (cũ) về mức thu một số loại phí, lệ phí trong thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến.

bảng niêm yết danh sách bầu cử, xây dựng và vận hành trang thông tin điện tử, công tác tuyên truyền, in ấn, hỗ trợ nơi tiếp xúc cử tri, đảm bảo an ninh, trật tự tại khu vực bầu cử, và kinh phí phục vụ hoạt động của các Ban bầu cử, Tổ bầu cử.

Đồng thời, nguồn kinh phí phục vụ cho các công tác nêu trên, do ngân sách Trung ương đảm bảo và được bổ sung một phần từ ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

9. Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, gồm:

- Mức tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại các kỳ thi theo quy định tại khoản 4, khoản 8; điểm b, c, e khoản 9; khoản 10, điểm a khoản 12 Điều 8 Quy định về mức chi của Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

- Nội dung chi, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, gồm 02 nội dung chính như sau:

- + Tiền công tổ chức các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thành phố, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi; tiền công tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; tiền công tổ chức kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thành phố, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia);

- + Tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Kỳ thi thử nghiệm; tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe phù đổng, giải thể thao trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo; các cuộc thi, kỳ thi, hội thi, giải thể thao cấp xã).

- Các nội dung, mức chi khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC và các quy định hiện hành.

- Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

10. Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với công chức, viên chức, cụ thể:

- a) Mức chi đào tạo công chức trong nước: chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập; chi

thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho công chức trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo. Chi hỗ trợ công chức là nữ người dân tộc thiểu số: 200.000 đồng/người/tháng.

b) Mức chi bồi dưỡng công chức trong nước: chi tiền công cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên trong nước¹⁰; phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, báo cáo viên và chi hỗ trợ cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo; chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho công chức trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập; chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho công chức trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng; chi hỗ trợ công chức nữ là người dân tộc thiểu số: 200.000 đồng/người/tháng.

c) Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức: căn cứ khả năng tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại đơn vị và các mức chi quy định nêu trên, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình.

d) Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và các quy định hiện hành.

11. Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập, cụ thể:

a) Có 07 mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập, gồm các dịch vụ như: ăn uống, bán trú cấp mầm non; ăn uống, bán trú cấp tiểu học; trông giữ, chăm sóc trẻ em mầm non các ngày nghỉ, nghỉ hè; trông giữ, chăm sóc học sinh tiểu học các ngày nghỉ, nghỉ hè; hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống; công nghệ, học tập số; phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác.

¹⁰ Gồm: Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Bí thư Thành ủy và các chức danh tương đương: Mức chi là 2.000.000 đồng/người/buổi; Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các chức danh tương đương; Giáo sư, Chuyên gia cao cấp; Giảng viên cao cấp: Mức chi là 1.500.000 đồng/người/buổi; Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch HĐND thành phố, Phó Chủ tịch UBND thành phố, Chủ tịch Ủy ban MTTQVN thành phố và các chức danh tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và các chức danh tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; Phó Giáo sư, Tiến sĩ; Giảng viên chính: Mức chi là 1.200.000 đồng/người/buổi; Giảng viên, báo cáo viên là Giám đốc Sở, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQVN thành phố, Phó Giám đốc Sở và các chức danh tương đương: Mức chi là 1.000.000 đồng/người/buổi; Giảng viên, báo cáo viên còn lại tại cơ quan cấp thành phố ngoài các chức danh nêu trên: Mức chi là 800.000 đồng/người/buổi; Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan cấp xã, phường: Mức chi là 600.000 đồng/người/buổi. Trợ giảng (nếu có) bằng 50% mức chi tiền công đối với giảng viên, báo cáo viên tương ứng.

b) Về cơ chế quản lý thu, chi: việc quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí phải mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh, đảm bảo công khai và thực hiện đúng quy định pháp luật. Hạch toán thu, chi và thực hiện công khai theo Luật Ngân sách nhà nước và quy định pháp luật. Đồng thời, các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi phí hàng năm căn cứ vào điều kiện thực tế và tinh thần tự nguyện của phụ huynh, đảm bảo mức thu không vượt quá 10% so với mức thu hiện tại và không vượt trần quy định tại Điều 2 Nghị quyết.

12. Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao do thành phố Cần Thơ tổ chức

Nghị quyết quy định mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao, gồm:

a) Mức chi cho các giải thi đấu thể thao cấp thành phố:

- Tiền ăn làm công tác chuẩn bị và tổ chức giải, tập huấn trọng tài: Mức chi là 180.000 đồng/người/ngày, bao gồm cả thời gian chuẩn bị trước và sau thi đấu.

- Bồi dưỡng làm nhiệm vụ: Các mức chi cho các đối tượng như Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Giám sát, Trọng tài, Thư ký và nhân viên phục vụ từ 54.000 đồng đến 96.000 đồng/người/buổi.

- Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: Thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban Tổ chức với các tổ chức hoặc cá nhân¹¹.

- Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình: Mức chi từ 36.000 đồng đến 84.000 đồng/người/buổi cho các đối tượng tham gia.

b) Mức chi cho các giải thi đấu thể thao cấp xã: Mức chi bằng 50% mức chi cấp thành phố.

c) Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách.

13. Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập trung tập huấn và thi đấu

Nghị quyết quy định cụ thể về thời gian tập trung tập huấn là 150.000 đồng/người/ngày. Thời gian tập trung thi đấu là 240.000 đồng/người/ngày. Nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách.

14. Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định chế độ nhuận bút đối với các sản phẩm truyền thông của Đài truyền thanh cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ

¹¹ Mức chi căn cứ Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

Nghị quyết quy định chế độ nhuận bút đối với các sản phẩm truyền thông của Đài truyền thanh cấp xã, cụ thể:

a) Đối với tin, thông báo, mức chi là 47.000 đồng/tin, thông báo; đối với bài viết, mức chi là 117.000 đồng/bài viết; đối với chương trình, mức chi là 468.000 đồng/chương trình. Các nội dung phải được kiểm duyệt bởi Thủ trưởng đơn vị hoặc Trưởng Ban biên tập. Đồng thời, đối với các sản phẩm liên quan đến tiếng dân tộc thiểu số, mức chi trả nhuận bút sẽ được áp dụng tối đa bằng 02 lần so với mức quy định trên.

b) Nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện chi trả nhuận bút đối với các sản phẩm truyền thông của Đài truyền thanh cấp xã, gồm: từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách xã, phường theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; nguồn thu hợp pháp được phép để lại sử dụng theo quy định của pháp luật (nếu có).

15. Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng, cụ thể như sau:

a) Mức hỗ trợ đối với các đối tượng, gồm: (1) người thuộc hộ gia đình cận nghèo được hỗ trợ 30%; (2) người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn (theo giai đoạn 2016 - 2020) được hỗ trợ 30% (thời gian hỗ trợ đến ngày 31/10/2026); (3) người cao tuổi từ đủ 60 đến dưới 75 tuổi thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình được hỗ trợ 70%; (4) đảng viên được xét tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng trở lên được hỗ trợ 100%; (5) người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ 100%; người thuộc hộ gia đình mới thoát nghèo¹² được hỗ trợ 20% mức; người nhiễm HIV/AIDS có đăng ký thường trú tại thành phố Cần Thơ được hỗ trợ 100%.

b) Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

c) Mức hỗ trợ đối với đối tượng “người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của Chính phủ” và “người cao tuổi từ đủ 60 đến dưới 75 tuổi thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình” không bao gồm mức hỗ trợ tối thiểu theo quy định của Chính phủ.

d) Nguồn kinh phí hỗ trợ được bố trí từ ngân sách thành phố.

16. Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp

¹² Thời gian hỗ trợ 12 tháng kể từ thời điểm công nhận thoát nghèo.

xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người nhận trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người nhận trợ cấp hưu trí xã hội áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, bằng 0,5% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người nhận trợ cấp hưu trí xã hội hàng tháng. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

17. Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”, bao gồm các nội dung như sau:

a) Nội dung, mức chi theo khoản 3 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC, gồm: (1) chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập¹³; (2) chi cho công tác phí, kiểm tra các nhiệm vụ kiểm tra giám sát (bao gồm tổ chức cuộc họp sơ kết, tổng kết)¹⁴; (3) chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng trong Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng; chi nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng¹⁵; (4) chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập (theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND); (5) chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá để thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập; chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục¹⁶; (6) chi hỗ trợ chi phí cho các lớp học xóa mù chữ, phổ cập giáo dục ban đêm, bao gồm chi cho giáo viên, hỗ trợ học viên hoàn thành chương trình học, và chi cho người huy động học viên¹⁷.

¹³ Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 31/10/2025 của HĐND thành phố Cần Thơ quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

¹⁴ Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 29/8/2025 của HĐND thành phố Cần Thơ quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

¹⁵ Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố về việc quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ

¹⁶ Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của HĐND thành phố Cần Thơ quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động và Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 29/8/2025 của HĐND thành phố Cần Thơ.

¹⁷ Theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang; Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;...

b) Nội dung, mức chi theo khoản 4 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC, gồm: (1) chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy phổ cập giáo dục trung học cơ sở cho đối tượng thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18; (2) chi hỗ trợ đối với người làm công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục (bằng 0,3 x mức lương cơ sở/người/tháng).

c) Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện theo phân cấp quản lý.

18. Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định 04 nội dung liên quan đến mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, cụ thể:

a) Mức chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm về thủ tục hành chính: (1) người chủ trì cuộc họp (trong đó, cấp thành phố là 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã là 100.000 đồng/người/buổi); các thành viên tham dự cuộc họp (trong đó, cấp thành phố là 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã là 70.000 đồng/người/buổi);

b) Mức chi thuê chuyên gia tư vấn chuyên ngành, lĩnh vực: thuê theo tháng là 7.000.000 đồng/người/tháng; thuê chuyên gia lấy ý kiến theo văn bản là 400.000 đồng/văn bản.

c) Mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức kiểm soát thủ tục hành chính là 20.000 đồng/người/ngày (Danh sách cán bộ, công chức được phê duyệt bởi UBND thành phố, phường, xã)

d) Các mức chi khác không quy định thì thực hiện theo Thông tư số 167/2012/TT-BTC.

đ) Kinh phí thực hiện cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính từ nguồn dự toán chi thường xuyên được giao đầu năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách.

19. Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định một số chế độ, chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định 04 nội dung liên quan về chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ, cụ thể:

a) Lực lượng dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế khi có quyết định huy động, điều động làm nhiệm vụ hoặc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ được hưởng mức trợ cấp ngày công lao động là 327.600 đồng/người/ngày. Nếu kéo dài thời gian nghĩa vụ, mức trợ cấp sẽ tăng thêm 50%.

b) Dân quân thường trực tại thành phố và phường, xã; dân quân biển khi làm nhiệm vụ (trừ nhiệm vụ bảo vệ hải đảo, vùng biển) sẽ được hưởng trợ cấp ngày công lao động, mức trợ cấp tăng thêm theo quy định tại khoản 1 của Nghị quyết.

c) Áp đội trưởng, khu vực trưởng quân sự sẽ được hưởng mức phụ cấp hàng tháng là 1.200.000 đồng.

d) Dân quân thường trực tại phường, xã khi tham gia tuần tra sẽ được hỗ trợ 100.000 đồng/người/đêm, nhưng không quá 10 đêm/người/tháng.

20. Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định 04 nội dung liên quan mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã, cụ thể: (1) hỗ trợ mức 10 triệu đồng/Ban/năm, đối với các đơn vị hành chính cấp xã không thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; (2) hỗ trợ mức 15 triệu đồng/Ban/năm, đối với các đơn vị hành chính cấp xã được sắp xếp từ 02 đơn vị hành chính cấp xã (cũ) bao gồm phường Long Tuyền; hỗ trợ mức 20 triệu đồng/Ban/năm, đối với các đơn vị hành chính cấp xã được sắp xếp từ 03 đơn vị hành chính cấp xã (cũ) bao gồm phường Bình Thủy và phường Thốt Nốt; hỗ trợ mức 25 triệu đồng/Ban/năm, đối với các đơn vị hành chính cấp xã sắp xếp từ 04 đơn vị hành chính cấp xã (cũ).

Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ được thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

21. Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định 02 nội dung liên quan về:

a) Quy định “khu vực không được phép chăn nuôi” trên địa bàn 103 xã, phường. Trong đó: (1) có 05 địa phương¹⁸ không được phép chăn nuôi trên toàn bộ phạm vi địa giới hành chính; (2) có 17 địa phương¹⁹ được phép chăn nuôi trên toàn bộ phạm vi địa giới hành chính (không có khu vực không được phép chăn nuôi); đối với 81 địa phương còn lại quy định cụ thể các khu vực không được phép chăn nuôi, như: khu dân cư thương mại, khu dân cư nông thôn, khu dân cư vượt lũ, khu vực chợ và khu dân cư lân cận chợ, cụm dân cư, khu tập thể; các khu vực trung tâm thuộc phường và ấp, khóm thuộc xã; khu vực dọc theo tuyến đường, tuyến dân cư ven kênh - rạch. Các khu đô thị, khu tái định cư; khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu thương mại, dịch vụ. Các công trình công cộng, như: trường học, cơ sở y tế, trụ sở cơ quan, cơ sở tôn giáo, nghĩa trang,...

¹⁸ Gồm các phường: Ninh Kiều, Cái Khế, Tân An, Sóc Trăng và Phú Lợi.

¹⁹ Gồm các xã, phường: Trung Nhứt, Thới Hưng, Phong Nẫm, Hồ Đắc Kiệt, Thuận Hòa, An Ninh, Mỹ Phước, Tân Long, Lĩnh Lợi, Lâm Tân, Nhu Gia, Gia Hòa, Ngọc Tổ, Thạnh Thới An, Tài Văn, Liêu Tú, Vĩnh Hải.

b) Quy định “vùng nuôi chim yến” là vùng nằm ngoài khu vực quy định không được phép chăn nuôi nêu trên, đảm bảo phù hợp tập tính hoạt động của chim yến, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và không gây ảnh hưởng đến đời sống của cư dân tại khu vực nuôi chim yến. Đồng thời, các cơ sở nuôi chim yến phải đáp ứng các điều kiện về quản lý nuôi chim yến²⁰, quy định về khoảng cách an toàn trong chăn nuôi²¹ và các hướng dẫn khác có liên quan.

22. Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định diện tích nhà ở tối thiểu để được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn thành phố Cần Thơ là 12 m² sàn/người.

23. Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định tiêu chí thành lập Tổ và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng và mức hỗ trợ, bồi dưỡng khác đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định 06 nội dung liên quan về tiêu chí thành lập Tổ và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng và mức hỗ trợ, bồi dưỡng khác đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, cụ thể:

a) Tiêu chí thành lập và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: Mỗi ấp, khu vực thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự gồm Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên. Trong đó: ấp, khu vực có dưới 350 hộ gia đình có 03 thành viên; từ 350 đến 700 hộ gia đình có tối đa 04 thành viên, và nếu tăng thêm 350 hộ thì bổ sung 01 Tổ viên.

b) Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, gồm: lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng bằng 1,0 mức lương cơ sở; phụ cấp chức danh Tổ trưởng là 300.000 đồng/người/tháng, Tổ phó là 200.000 đồng/người/tháng; hỗ trợ theo trình độ đào tạo Đại học trở lên là 500.000 đồng/người/tháng, Cao đẳng là 300.000 đồng/người/tháng, Trung cấp là 200.000 đồng/người/tháng.

c) Hỗ trợ cho Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được mua sắm trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận; hỗ trợ mua sắm,

²⁰ Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

²¹ Tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi (được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2024).

sửa chữa phương tiện, thiết bị²² (mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp). Đối với Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hỗ trợ kinh phí khi tổ chức tập huấn, diễn tập, hội thi, sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng do địa phương tổ chức theo các quy định hiện hành²³.

d) Mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi được cử đi bồi dưỡng, huấn luyện, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ, gồm: (1) bồi dưỡng khi bồi dưỡng, huấn luyện được hưởng mức bồi dưỡng bằng tiền ăn cơ bản của chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân; (2) bồi dưỡng khi làm nhiệm vụ vào ban đêm, ngày nghỉ, ngày lễ (100.000 đồng/người/đêm, không quá 10 đêm/người/tháng); (3) bồi dưỡng khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (95.000 đồng/người/đêm, không quá 10 đêm/người/tháng); (4) bồi dưỡng khi làm nhiệm vụ tại khu vực đặc biệt khó khăn (được hưởng tăng thêm 50.000 đồng/người/ngày, không quá 10 ngày/người/tháng); (5) hỗ trợ phương tiện đi lại, ăn, nghỉ theo quy định pháp luật hiện hành.

d) Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: (1) hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện; (2) hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế 50% mức đóng bảo hiểm y tế, ngoài mức hỗ trợ tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 188/2025/NĐ-CP; (3) trường hợp Lực lượng không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hoặc đã hưởng chế độ bảo hiểm y tế khác sẽ không được hưởng hỗ trợ tại 02 khoản nêu trên; (4) hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho Lực lượng chưa tham gia bảo hiểm y tế nếu bị ốm đau, tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ được hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh tương đương với quyền lợi bảo hiểm y tế và hỗ trợ tiền ăn 95.000 đồng/người/ngày trong thời gian điều trị nội trú; (5) trợ cấp cho tai nạn gây suy giảm khả năng lao động cho Lực lượng chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ sẽ được trợ cấp một lần hoặc hàng tháng, tương đương mức hưởng của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, nếu tai nạn làm suy giảm khả năng lao động; (6) hỗ trợ chi phí điều trị tai nạn cho Lực lượng chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị tai nạn trong khi thực hiện nhiệm vụ sẽ được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh và tiền ăn hàng ngày trong thời gian điều trị, kể cả khi vết thương tái phát; (7) trợ cấp tiền tuất và mai táng phí nếu lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự bị tai nạn dẫn đến chết khi thực hiện nhiệm vụ, thân nhân sẽ nhận trợ cấp tiền tuất một lần và tiền mai táng phí, tương đương mức hưởng của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

e) Mức hỗ trợ, bồi dưỡng do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

²² Theo danh mục, tiêu chuẩn, niên hạn tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 4 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

²³ Trường hợp chưa có quy định về mức chi thì tham khảo giá thị trường đối với những công việc tương tự tại địa bàn thực hiện, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán đã được giao.

24. Nghị quyết số 269/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND thành phố về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 của thành phố Cần Thơ

Nghị quyết thông qua Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 với một số nội dung chính như sau:

a) Mục tiêu tổng quát: Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính để phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ theo Nghị quyết 59-NQ/TW và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ I. Tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, giải quyết an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, và kiểm soát nợ công theo quy định.

b) Mục tiêu cụ thể: Tổng thu ngân sách (2026 - 2030): Khoảng 197.056 tỷ đồng, tăng 1,70 lần so với giai đoạn 2021 - 2025, trong đó thu nội địa đạt 192.596 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách (2026 - 2030): Khoảng 302.320 tỷ đồng, với 50,48% chi đầu tư phát triển và 48,95% chi thường xuyên; ưu tiên chi trả nợ. Đảm bảo cân đối ngân sách tích cực, quản lý nợ công trong giới hạn cho phép và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Nhiệm vụ, giải pháp được đề ra với 08 nội dung chính như sau: (1) huy động nguồn lực, tăng cường hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, đẩy mạnh cải cách hành chính, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội và xã hội hóa trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế; (2) thực hiện biện pháp quản lý thuế hiệu quả, hỗ trợ doanh nghiệp, minh bạch trong quản lý thuế, ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm tra gian lận thuế và tăng cường tuyên truyền các Luật Thuế mới; (3) nâng cao chất lượng phân tích, theo dõi tiến độ thu ngân sách và tìm kiếm các nguồn thu tiềm năng để hoàn thành chỉ tiêu thu hàng năm; (4) quản lý chi ngân sách chặt chẽ, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư phát triển, tiết kiệm chi thường xuyên và chi cho bộ máy quản lý Nhà nước; (5) tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, quản lý nợ công, bảo đảm an toàn tài chính và nâng cao tích lũy cho đầu tư phát triển; (6) tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để chống tham nhũng, lãng phí, gian lận thuế và đảm bảo chi ngân sách Nhà nước minh bạch; (7) tuyên truyền các chính sách tài chính, nhân rộng gương điển hình và tạo sự đồng thuận giữa các cấp, ngành trong thực hiện kế hoạch tài chính 2026 - 2030; (8) đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành và công khai ngân sách theo quy định.

25. Nghị quyết số 270/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND thành phố về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 của thành phố Cần Thơ

Nghị quyết thông qua quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 của thành phố Cần Thơ, cụ thể:

a) Về dự toán thu ngân sách nhà nước: (1) tổng thu ngân sách nhà nước: 26.880.153 triệu đồng (thu nội địa là 26.217.000 triệu đồng; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 661.000 triệu đồng; thu viện trợ là 2.153 triệu đồng); (2) tổng thu ngân sách địa phương: 48.673.969 triệu đồng (thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 24.621.870 triệu đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

là 24.009.226 triệu đồng; thu chuyển nguồn từ năm trước là 40.720 triệu đồng; thu viện trợ là 2.153 triệu đồng); (3) tổng chi ngân sách địa phương: 48.645.669 triệu đồng (trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương: 38.588.292 triệu đồng; chi thực hiện các chương trình mục tiêu: 10.057.377 triệu đồng).

b) Về kế hoạch vay, trả nợ năm 2026: (1) tổng số chi trả nợ gốc các khoản vay của thành phố năm 2026: 284.300 triệu đồng (Trong đó: từ nguồn bội thu ngân sách địa phương là 28.300 triệu đồng; từ nguồn chi đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách địa phương là 256.000 triệu đồng); (2) tổng mức vay của thành phố năm 2026 là 256.000 triệu đồng (Trong đó: vay bù đắp bội chi là 0 triệu đồng; vay để trả nợ gốc là 256.000 triệu đồng).

26. Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND thành phố về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của thành phố Cần Thơ

Nghị quyết thông qua việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của thành phố Cần Thơ như sau:

a) Phân bổ dự toán thu: tổng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2026 là 26.880.153 triệu đồng, bao gồm thu nội địa 26.217.000 triệu đồng, thu hoạt động xuất nhập khẩu 661.000 triệu đồng, thu viện trợ 2.153 triệu đồng. Tổng dự toán thu ngân sách thành phố năm 2026 được hưởng theo phân cấp là 24.621.870 triệu đồng. Cụ thể:

- Phân bổ dự toán thu ngân sách cấp thành phố: tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2026 phân bổ cấp thành phố là 22.278.633 triệu đồng²⁴; tổng thu ngân sách cấp thành phố năm 2026: 46.535.484 triệu đồng²⁵.

- Phân bổ dự toán thu ngân sách xã, phường: tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2026 phân bổ cho 103 xã, phường là 4.601.520 triệu đồng; tổng thu ngân sách cấp xã, phường năm 2026 là 19.274.836 triệu đồng²⁶.

b) Phân bổ dự toán chi: tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026 là 48.645.669 triệu đồng, phân bổ như sau:

- Phân bổ dự toán chi cho ngân sách cấp thành phố là 29.370.833 đồng, trong đó: (1) chi cân đối ngân sách địa phương là 20.084.972 triệu đồng (chi đầu tư phát

²⁴ Gồm: Thu nội địa là 21.615.480 triệu đồng; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 661.000 triệu đồng; thu viện trợ là 2.153 triệu đồng.

²⁵ Gồm: thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 22.483.385 triệu đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 24.009.226 triệu đồng (thu bổ sung cân đối ngân sách là 10.062.195 triệu đồng, thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương là 3.889.654 triệu đồng, thu bổ sung có mục tiêu là 10.057.377 triệu đồng); thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nguồn cải cách tiền lương) là 40.720 triệu đồng; thu viện trợ là 2.153 triệu đồng.

²⁶ Gồm: thu ngân sách được hưởng theo phân cấp là 2.138.485 triệu đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 17.136.351 triệu đồng (thu bổ sung cân đối ngân sách là 12.915.131 triệu đồng, thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương là 3.449.704 triệu đồng, thu bổ sung có mục tiêu là 771.516 triệu đồng).

triển là 9.244.425 triệu đồng²⁷; chi thường xuyên là 10.228.289 triệu đồng²⁸; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính là 3.380 triệu đồng; dự phòng ngân sách là 409.478 triệu đồng). (2) chi các chương trình mục tiêu là 9.285.861 triệu đồng (chi các chương trình mục tiêu quốc gia là 0 triệu đồng; chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ là 9.285.861 triệu đồng²⁹).

- Phân bổ dự toán chi cho ngân sách xã, phường: 19.274.836 triệu đồng, trong đó: (1) Chi cân đối ngân sách địa phương là 18.503.320 triệu đồng (chi đầu tư phát triển: 3.081.475 triệu đồng³⁰; chi thường xuyên là 15.059.034 triệu đồng³¹; dự phòng ngân sách là 362.811 triệu đồng). (2) Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ là 771.516 triệu đồng (chi các chương trình mục tiêu quốc gia là 0 triệu đồng; chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ là 771.516 triệu đồng³²).

27. Nghị quyết số 274/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh giai đoạn 2026 - 2030

Nghị quyết thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh giai đoạn 2026 - 2030 của thành phố Cần Thơ, với các nội dung chính như sau:

a) Với mục tiêu thành phố Cần Thơ phấn đấu trở thành một cực tăng trưởng quốc gia, trung tâm kinh tế tri thức, đổi mới sáng tạo, logistics, giáo dục, y tế và tài chính. Thành phố tập trung hoàn thiện hệ thống hạ tầng chiến lược, đặc biệt là giao thông, logistics, hạ tầng số, thủy lợi và năng lượng. Phát triển các ngành có lợi thế như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng sạch, kinh tế biển, du lịch sinh thái và đô thị thông minh. Đồng thời, thúc đẩy phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và bảo vệ tài nguyên nước. Vận hành hiệu quả mô hình chính quyền hai cấp, đảm bảo quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị.

²⁷ Trong đó: từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.848.750 triệu đồng, từ nguồn xổ số kiến thiết là 5.175.000 triệu đồng, từ nguồn cân đối ngân sách địa phương (bao gồm chi trả nợ gốc) là 2.220.675 triệu đồng.

²⁸ Trong đó: chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề là 2.524.413 triệu đồng; chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 171.795 triệu đồng; chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay là 199.400 triệu đồng.

²⁹ Gồm: chi đầu tư phát triển: 6.940.650 triệu đồng (vốn ngoài nước là 292.589 triệu đồng; vốn trong nước là 6.648.061 triệu đồng); chi sự nghiệp là 2.345.211 triệu đồng (vốn ngoài nước là 18.377 triệu đồng; vốn trong nước là 2.326.834 triệu đồng).

³⁰ Trong đó: từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 616.250 triệu đồng; từ nguồn xổ số kiến thiết là 1.725.000 triệu đồng; từ nguồn cân đối ngân sách địa phương là 740.225 triệu đồng.

³¹ Trong đó: chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề là 9.210.987 triệu đồng; chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 35.600 triệu đồng.

³² Trong đó: chi đầu tư phát triển là 0 triệu đồng; chi sự nghiệp là 771.516 triệu đồng (vốn ngoài nước là 0 triệu đồng, vốn trong nước là 771.516 triệu đồng).

b) Thông qua 25 chỉ tiêu chủ yếu để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Trong đó, có 08 chỉ tiêu về kinh tế³³; 07 chỉ tiêu về xã hội³⁴; 04 chỉ tiêu về môi trường³⁵; 03 chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng³⁶ và 03 chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh, đối ngoại³⁷.

c) Thông qua 12 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong giai đoạn 2026 - 2030, gồm: (1) hoàn thiện thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực cho phát triển; (2) xác lập mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; (3) phát triển mạnh kinh tế tư nhân, coi đây là động lực quan trọng của nền kinh tế; (4) phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (5) phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác không gian phát triển mới; (6) phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người Cần Thơ; (7) tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; (8) quản lý phát triển xã hội bền vững, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội; (9) quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; (10) tăng cường liên kết vùng, hợp tác phát triển; (11) tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; (12) đẩy mạnh triển khai đồng bộ, hiệu quả hoạt động đối ngoại.

28. Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2026

³³ (1) Đến năm 2030, GRDP đạt tối thiểu 717.067 tỷ đồng, GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 215 triệu đồng/người/năm, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt từ 10-10,5%/năm, kim ngạch xuất khẩu và thu ngoại tệ đạt 8,2 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người đạt 8.500.000 đồng/tháng. (2) Tổng thu ngân sách hằng năm tăng 15%, ước đạt 57.000 tỷ đồng vào năm 2030. (3) Cơ cấu GRDP đến 2030: Nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 16%, công nghiệp và xây dựng trên 35%, dịch vụ trên 45%, thuế sản phẩm trên 4%. (4) Tổng vốn đầu tư đạt tối thiểu 286.000 tỷ đồng, chiếm 40% GRDP. (5) Nâng cao các chỉ số như PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI, đạt xếp hạng trong “Nhóm 15 địa phương có chất lượng điều hành tốt”. (6) Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số: TFP đóng góp trên 55%, kinh tế số chiếm 30% GRDP, 80% dân cư và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, 3% ngân sách dành cho khoa học công nghệ, số lượng công bố khoa học quốc tế tăng 10-15%/năm, tỷ lệ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trên 40%. (7) Kinh tế tư nhân tăng trưởng trên 10%/năm. (8) Giải ngân vốn đầu tư công đạt 100% kế hoạch.

³⁴ (9) Dân số trung bình đến năm 2030 là 3.335.000 người. (10) Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt tối thiểu 0,78. (11) Đến năm 2030, năng suất lao động đạt trên 358 triệu đồng/lao động/năm, tốc độ tăng trưởng năng suất lao động đạt trên 10%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp đạt 35-40%, số lao động có việc làm đạt 1.700.000 người, tỷ lệ lao động có việc làm trong các khu vực: nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 38%, công nghiệp và xây dựng trên 27%, dịch vụ trên 35%, tỷ lệ thất nghiệp dưới 3,5%. (12) Tuổi thọ trung bình đạt khoảng 77,12 tuổi, thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm. (13) Phần đầu đạt 19 bác sĩ/vạn dân, số giường bệnh đạt trên 44 giường bệnh/vạn dân, đạt tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, 100% người dân được khám sức khỏe hằng năm. (14) Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 85%, mầm non đạt 90,5%, tiểu học đạt 83,9%, trung học cơ sở đạt 83,6%, trung học phổ thông đạt 73,5%, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. (15) Tỷ lệ nghèo đa chiều đạt 2,42%, duy trì giảm 1% mỗi năm.

³⁵ (16) Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường phần đầu đạt 100%. (17) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt trên 95,8%; tỷ lệ xử lý chất thải nguy hại đạt tối thiểu 98%; tỷ lệ xử lý chất thải y tế đạt 100%. (18) Đến năm 2030, phần đầu đạt 90,3% xã đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước sạch đạt 85%. (19) Tỷ lệ che phủ rừng đến 2030 đạt 2%.

³⁶ (20) Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt 50% trở lên. (21) Phần đầu hoàn thành các nhiệm vụ phát triển đô thị thông minh. (22) Phần đầu đến năm 2030, hoàn thành 16.900 căn nhà ở xã hội.

³⁷ (23) Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, huấn luyện, diễn tập và giáo dục quốc phòng, an ninh hằng năm. (24) Hằng năm, đảm bảo tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” từ 75% trở lên; đến năm 2030, ít nhất 50% xã, phường không có ma túy. (25) Ký kết ít nhất 05 thỏa thuận cấp thành phố với các địa phương và đối tác quốc tế; tham gia ít nhất 03 tổ chức quốc tế/diễn đàn đa phương phù hợp với mục tiêu phát triển thành phố; phần đầu 100% trường hợp hỗ trợ hiệu quả qua công tác bảo hộ công dân ở nước ngoài.

Nghị quyết thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2026, với các nội dung chính như sau:

a) Với mục tiêu là ổn định tổ chức bộ máy sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, đảm bảo hoạt động thông suốt của mô hình Chính quyền địa phương hai cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển kinh tế tư nhân. Tập trung tháo gỡ khó khăn, khơi thông động lực tăng trưởng kinh tế và thực hiện các giải pháp đột phá trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chú trọng phát triển văn hóa, an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo.

b) Thông qua 25 chỉ tiêu chủ yếu để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Trong đó, có 08 chỉ tiêu về kinh tế³⁸; 07 chỉ tiêu về xã hội³⁹; 04 chỉ tiêu về môi trường⁴⁰; 03 chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng⁴¹ và 03 chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh, đối ngoại⁴².

³⁸ (1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt tối thiểu 360.821 tỷ đồng, GRDP bình quân đầu người đạt 111,04 triệu đồng/người/năm, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt từ 10 - 10,5%, kim ngạch xuất khẩu, dịch vụ và thu ngoại tệ tăng 11% so với năm 2025, thu nhập bình quân đầu người đạt 5.928.000 đồng/người/tháng. (2) Tổng thu ngân sách tăng khoảng 15% so với năm 2025. (3) Cơ cấu GRDP: nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 19,94%, công nghiệp và xây dựng chiếm 28,49%, dịch vụ chiếm 46,45%, thuế sản phẩm chiếm 5,12%. (4) Tổng vốn đầu tư đạt tối thiểu 117.740 tỷ đồng, chiếm 32,63% GRDP. (5) Nâng cao các chỉ số cải cách hành chính, sự hài lòng của người dân và tổ chức, hiệu quả quản trị, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, phần đầu đạt xếp hạng trong "Nhóm 15 địa phương có chất lượng điều hành tốt". (6) Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: TFP đóng góp trên 25%, kinh tế số chiếm 8,3% GRDP, tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 65%, 3% chi ngân sách cho khoa học công nghệ, số công bố khoa học quốc tế tăng 10 - 15%, tỷ lệ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tăng 11,5%, nguồn nhân lực nghiên cứu đạt 10 người trên một vạn dân, sáng chế tăng 16 - 18%. (7) Kinh tế tư nhân tăng trưởng trên 10%/năm. (8) Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 100%.

³⁹ (9) Dân số trung bình đến năm 2026 là 3.249.504 người. (10) Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt tối thiểu 0,73. (11) Năng suất lao động đạt trên 214,94 triệu đồng/lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp đạt 29,5%, số lao động có việc làm đạt 1.678.712 người, tỷ lệ lao động trong các khu vực: nông, lâm nghiệp và thủy sản 38,73%, công nghiệp và xây dựng 25,29%, dịch vụ 35,98%, duy trì tỷ lệ thất nghiệp dưới 3,16%. (12) Tuổi thọ trung bình đạt khoảng 76,21 tuổi, thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 66 năm. (13) Đạt 15,66 bác sĩ/vạn dân, 43,92 giường bệnh/vạn dân, bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 95,4%, 100% dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc sàng lọc miễn phí mỗi năm. (14) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 68,6%, mầm non đạt 81,1%, tiểu học 63,4%, trung học cơ sở 67,2%, trung học phổ thông 51,7%, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. (15) Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5%.

⁴⁰ (16) Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường phần đầu đạt 100%. (17) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt trên 95%, tỷ lệ xử lý chất thải nguy hại đạt tối thiểu 98%, và chất thải y tế được xử lý đạt 100%. (18) Rà soát, nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, phần đầu có ít nhất 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước sạch đạt 83,13%. (19) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 1,8%.

⁴¹ (20) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 48,2% trở lên. (21) Triển khai các nhiệm vụ về phát triển đô thị thông minh. (22) Hoàn thành 1.897 căn nhà ở xã hội.

⁴² (23) Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, huấn luyện, diễn tập, giáo dục quốc phòng, an ninh hoàn thành 100% chỉ tiêu hàng năm. (24) Đảm bảo tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" từ 75% trở lên; tiếp tục xây dựng thêm 20% xã, phường không có ma túy trong số các xã, phường chưa được công nhận. (25) Ký kết ít nhất 01 thỏa thuận cấp thành phố với các địa phương, đối tác quốc tế; tham gia ít nhất 01 tổ chức quốc tế/diễn đàn đa phương phù hợp với mục tiêu phát triển thành phố; phần đầu 100% trường hợp được hỗ trợ hiệu quả qua công tác bảo hộ công dân ở nước ngoài.

c) Thông qua 10 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, gồm: (1) thực hiện quyết liệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, và chỉ đạo của Chính phủ, Thành ủy; (2) ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát; (3) phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, và hiệu quả, trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế; (4) phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (5) đẩy mạnh công tác xây dựng quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; (6) tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; (7) phát triển văn hóa, xã hội và thực hiện chính sách an sinh xã hội hiệu quả; (8) quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và phát triển bền vững; (9) tăng cường quốc phòng, an ninh và xây dựng lực lượng vũ trang hiện đại; (10) đẩy mạnh hiệu quả hoạt động đối ngoại.

29. Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố về việc giao, cho ý kiến Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước

Nghị quyết thống nhất giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn ngân sách địa phương với các nội dung cụ thể như sau:

a) Tổng nguồn vốn ngân sách địa phương thuộc kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ là 12.325.900 triệu đồng, gồm: nguồn cân đối ngân sách địa phương là 2.960.900 triệu đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất là 2.465.000 triệu đồng; nguồn thu xổ số kiến thiết là 6.900.000 triệu đồng.

b) Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn ngân sách nhà nước địa phương bố chi tiết như sau:

- Theo chương trình/dự án: (1) kế hoạch vốn giao chi tiết: do thành phố quản lý là 5.424.100 triệu đồng⁴³; vốn phân bổ theo tiêu chí, định mức cho các xã, phường trên địa bàn thành phố là 3.081.475 triệu đồng. (2) kế hoạch vốn chưa giao chi tiết là 3.820.325 triệu đồng.

- Chi tiết nguồn vốn theo phân cấp quản lý: (1) do thành phố quản lý: 5.424.100 triệu đồng, gồm: nguồn cân đối ngân sách địa phương là 1.249.301 triệu đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất là 1.459.054 triệu đồng; nguồn thu xổ số kiến thiết là 2.715.745 triệu đồng. (2) do xã, phường quản lý là 3.081.475 triệu đồng, gồm: nguồn cân đối ngân sách địa phương là 740.225 triệu đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất là 616.250 triệu đồng; nguồn thu xổ số kiến thiết là 1.725.000 triệu đồng.

c) Cho ý kiến đối với kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương, cụ thể như sau: thống nhất phương án phân bổ 6.940.650 triệu đồng kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2026 cho các dự án theo phụ lục số V đính kèm. UBND thành phố căn cứ Quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương của Thủ tướng Chính phủ, có trách nhiệm ban hành Quyết định giao chi tiết vốn ngân sách trung ương năm 2026 cho các dự án đã đảm bảo

⁴³ Gồm: cấp vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ là 500.000 triệu đồng; chi hỗ trợ đầu tư theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP là 5.000 triệu đồng; chi trả nợ gốc các khoản chính quyền địa phương vay là 256.000 triệu đồng; công trình, dự án do thành phố quản lý là 4.663.100 triệu đồng.

đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định pháp luật, mức vốn ngân sách trung ương bố trí cho từng dự án không vượt tổng mức vốn được Thủ tướng Chính phủ giao và đảm bảo tiến độ theo quy định.

30. Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố Cần Thơ

Nghị quyết quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục: do quỹ bảo hiểm y tế, ngân sách nhà nước thanh toán hoặc không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố Cần Thơ, gồm:

- Giá dịch vụ khám bệnh, hội chẩn, đối với 45 cơ sở y tế (34 bệnh viện và 11 trung tâm y tế) và 103 trạm y tế.

- Giá dịch vụ ngày giường bệnh, đối với 43 cơ sở y tế (19 bệnh viện và 24 trung tâm y tế) và 103 trạm y tế.

- Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm, đối với 45 cơ sở y tế (19 bệnh viện và 26 trung tâm y tế) và 103 trạm y tế. Trong đó có 9.237 nội dung dịch vụ do Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán và 35 nội dung dịch vụ không do Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán.

- Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ, đối với 43 cơ sở y tế (19 bệnh viện và 24 trung tâm y tế) và 103 trạm y tế; với 759 nội dung dịch vụ kỹ thuật.

31. Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030

Nghị quyết phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2026 - 2030, gồm các nội dung chính như sau:

a) Mục tiêu chung: xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh, đồng bộ, với chất lượng chính trị và độ tin cậy cao, đảm bảo tinh gọn, phù hợp với đặc điểm từng địa phương. Tăng cường huấn luyện, diễn tập, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu quốc phòng, an ninh. Nâng cao chất lượng Dân quân tự vệ ở các địa bàn trọng điểm quốc phòng, đảm bảo sức đối phó với tình huống khẩn cấp.

b) Mục tiêu cụ thể: xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ đúng quy mô, phù hợp với dân số và yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự. Đến năm 2030, tỷ lệ đảng viên trong lực lượng Dân quân tự vệ đạt từ 25% trở lên (dân quân 18%, tự vệ 60%); chi bộ quân sự xã, phường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. 100% đơn vị Dân quân tự vệ được huấn luyện hằng năm, với quân số huấn luyện đạt từ 80% trở lên. Đến năm 2030, 100% Chỉ huy trưởng có trình độ cao cấp lý luận chính

trị, 100% Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng và Trợ lý Ban chỉ huy quân sự cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở. Đảm bảo đầy đủ chế độ, chính sách, trang bị cho lực lượng Dân quân tự vệ theo quy định.

c) Tổ chức xây dựng lực lượng, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập và hoạt động của Dân quân tự vệ, gồm 06 nội dung về: xây dựng lực lượng⁴⁴; số lượng Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã⁴⁵; cấp thành phố tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện hằng năm⁴⁶; cấp xã huấn luyện hàng năm⁴⁷; hội thi, hội thao, diễn tập⁴⁸; hoạt động của Dân quân tự vệ⁴⁹.

d) Xây dựng mô hình điểm:

Năm 2026, Bộ Chỉ huy quân sự thành phố phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND thành phố chỉ đạo xây dựng mô hình điểm về Dân quân tự vệ, chọn phường Hưng Phú làm đơn vị điểm. Lực lượng Dân quân tự vệ sẽ phối hợp với các ngành liên quan để hoạt động theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP và Nghị định số 02/2020/NĐ-CP.

đ) Đảm bảo chế độ, chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ: Dân quân thường trực được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ; đảm bảo nơi ăn, nghỉ theo Điều 34 Luật Dân quân tự vệ năm 2019; hưởng ngày công lao động, phụ cấp hàng tháng của áp đội trưởng, khu vực trưởng quân sự, và hỗ trợ Dân quân thường trực đi tuần tra theo Nghị quyết của HĐND thành phố Cần Thơ. Các chế độ vật chất khác cho Dân quân tự vệ thực hiện theo Nghị định số 16/2025/NĐ-CP, Nghị định số 220/2025/NĐ-CP, và Thông tư số 96/2025/TT-BQP của Bộ Quốc phòng về tiêu chuẩn ăn, bồi dưỡng, chế độ ăn thêm ngày lễ, tết và khi làm nhiệm vụ.

e) Tổng kinh phí thực hiện Đề án là 3.908.068.998.438 đồng. Trong đó, được phân kỳ theo các năm như sau: năm 2026 là 709.513.297.069 đồng; năm 2027 là 771.287.668.080 đồng; năm 2028 là 824.361.728.655 đồng; năm 2029 là 792.763.843.745 đồng và năm 2030 là 810.142.460.889 đồng.

⁴⁴ Tiếp tục xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ "vững mạnh, rộng khắp", thực hiện phương châm "ở đâu có dân, có tổ chức Đảng, có Dân quân tự vệ". Tăng cường chất lượng chính trị, đảm bảo lực lượng có số lượng hợp lý, phù hợp với địa bàn và nhiệm vụ quốc phòng. Các doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm quy định về Dân quân tự vệ.

⁴⁵ Đảm bảo bố trí không quá 02 Phó Chỉ huy trưởng ở xã, phường loại 1 và các xã, phường trọng điểm quốc phòng, không quá 01 Phó Chỉ huy trưởng ở các xã, phường còn lại.

⁴⁶ Cấp thành phố tổ chức tập huấn cho các chức vụ chỉ huy, cán bộ Dân quân tự vệ, đảm bảo 100% được huấn luyện đúng chương trình, thời gian quy định. Chỉ tiêu huấn luyện bao gồm các đội Dân quân tự vệ và cán bộ quân sự tại cơ sở, với thời gian huấn luyện từ 7 đến 15 ngày tùy theo vị trí.

⁴⁷ Các đơn vị Dân quân tự vệ tại xã được huấn luyện cơ động, tại chỗ, với thời gian mỗi đợt từ 7 đến 12 ngày. Dân quân thường trực huấn luyện 60 ngày/năm.

⁴⁸ Hội thi, hội thao, diễn tập, thực hiện theo Thông tư số 69/2020/TT-BQP và Thông tư số 47/2024/TT-BQP.

⁴⁹ Thực hiện theo các Nghị định số 03/2019/NĐ-CP và 02/2020/NĐ-CP về phối hợp bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, và nhiệm vụ quốc phòng, theo Thông tư số 43/2020/TT-BQP về chế độ sẵn sàng chiến đấu của Dân quân tự vệ.

g) Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được đảm bảo từ ngân sách trung ương hỗ trợ và ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành⁵⁰.

32. Nghị quyết số 279/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố về việc bãi bỏ các nghị quyết do HĐND thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính

Nghị quyết thông qua việc bãi bỏ toàn bộ và một phần các Nghị quyết do HĐND thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính, cụ thể:

- Bãi bỏ toàn bộ 61 nghị quyết do HĐND thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính. Trong đó, có 01 nghị quyết thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; 28 nghị quyết thuộc lĩnh vực nội vụ; 04 nghị quyết thuộc lĩnh vực y tế; 02 nghị quyết thuộc lĩnh vực xây dựng; 04 nghị quyết thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; 12 nghị quyết thuộc lĩnh vực tài chính; 04 nghị quyết thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; 02 nghị quyết thuộc lĩnh vực quân sự; 02 nghị quyết thuộc lĩnh vực công an.

- Bãi bỏ một phần đối với 02 nghị quyết thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

33. Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Công tác quản lý, khai thác trụ sở công sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị”

Nghị quyết thông qua việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Công tác quản lý, khai thác trụ sở công sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị” trên địa bàn thành phố Cần Thơ và phân công: Chủ tịch HĐND thành phố làm Trưởng đoàn; Phó Chủ tịch Thường trực HĐND thành phố làm Phó Trưởng đoàn Thường trực; Phó Chủ tịch HĐND thành phố phụ trách lĩnh vực pháp chế làm Phó Trưởng đoàn.

Đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 62 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các quy định khác của pháp luật có liên quan; triển khai thực hiện đầy đủ nội dung, đảm bảo thời gian theo kế hoạch giám sát; báo cáo Thường trực HĐND thành phố về kết quả giám sát tại Phiên họp tháng 8/2026 và trình HĐND thành phố xem xét tại kỳ họp gần nhất.

34. Nghị quyết số 281/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố ban hành Quy chế làm việc của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND thành phố

⁵⁰ Kinh phí đảm bảo cho tự vệ của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thực hiện nhiệm vụ theo Điều 39 Luật Dân quân tự vệ năm 2019 sẽ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của các tổ chức này, theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, và việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo chế độ kế toán tài chính áp dụng đối với các đơn vị.

Nghị quyết thông qua Quy chế làm việc của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND thành phố với 05 chương, 34 điều, cụ thể:

- Chương I, những quy định chung, gồm 03 điều quy định về: phạm vi điều chỉnh; nguyên tắc, chế độ làm việc của HĐND; quan hệ công tác của HĐND cấp tỉnh với các cơ quan Trung ương và địa phương.

- Chương II, HĐND thành phố, gồm 16 điều (từ điều 4 đến điều 19) quy định về: Kỳ họp HĐND; chuẩn bị kỳ họp HĐND; tổ chức kỳ họp HĐND; chương trình kỳ họp HĐND; trách nhiệm của Chủ tọa kỳ họp, Chủ tọa phiên họp HĐND; trách nhiệm của đại biểu HĐND tại kỳ họp; thành lập Tổ thảo luận tại kỳ họp và trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó, thành viên Tổ thảo luận; công tác thư ký kỳ họp của HĐND; tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND; hình thức tiến hành kỳ họp của HĐND; kỳ họp thứ nhất, phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp HĐND; trình tự, thủ tục HĐND xem xét, quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn tại kỳ họp; trình tự, thủ tục HĐND xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền; hồ sơ về nhân sự trình HĐND quyết định; trình tự xem xét lập danh mục, đăng ký xây dựng, ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND; thông tin về kỳ họp HĐND.

- Chương III, Thường trực HĐND, gồm 06 điều (từ điều 20 đến điều 25) quy định về: chế độ, hình thức làm việc; phiên họp Thường trực HĐND; văn bản kết luận phiên họp của Thường trực HĐND; trình tự, thủ tục Thường trực HĐND xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản; trách nhiệm của Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Ủy viên là Trưởng Ban của HĐND; chế độ thông tin, báo cáo của Thường trực HĐND.

- Chương IV, Ban của HĐND, gồm 05 điều (từ điều 26 đến điều 30) quy định về: chế độ, hình thức làm việc; phạm vi, lĩnh vực phụ trách của các Ban của HĐND; trình tự, thủ tục thẩm tra đề án, báo cáo, dự thảo nghị quyết của các Ban của HĐND; việc tổ chức phiên họp toàn thể Ban của HĐND và việc xem xét, cho ý kiến bằng văn bản; trách nhiệm của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các Ủy viên.

- Chương V, gồm 04 điều (từ điều 31 đến điều 34) quy định về: trách nhiệm của Tổ đại biểu HĐND; trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND; quan hệ công tác của Tổ đại biểu HĐND với Thường trực HĐND và chính quyền địa phương nơi đại biểu thực hiện nhiệm vụ; điều kiện bảo đảm hoạt động.

35. Nghị quyết số 282/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố về việc chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ Bảy HĐND thành phố Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Nghị quyết thông qua nội dung về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp tập trung vào các vấn đề liên quan đến một số lĩnh vực, như: công thương, nông nghiệp, môi trường; đô thị, xây dựng; giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch; khoa học, công nghệ; nội vụ; Ngân hàng chính sách xã hội; an ninh, trật tự.

36. Nghị quyết số 272/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố về việc giao, cho ý kiến Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước đầu tư khác (thuộc danh mục bí mật Nhà nước).

37. Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố về việc phê duyệt Đề án Phòng không nhân dân thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2026 - 2030 (thuộc danh mục bí mật Nhà nước).

Kết thúc nội dung, chương trình là phát biểu bế mạc kỳ họp của đồng chí Đồng Văn Thanh - Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố.

Kỳ họp thứ Bảy (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) của HĐND thành phố Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 kết thúc vào lúc 15 giờ 40 phút, ngày 10/12/2025.

Trên đây là Thông báo kết quả Kỳ họp thứ Bảy (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) của HĐND thành phố Cần Thơ Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026. *./.*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Đoàn ĐBQH thành phố Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBNDTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT, CTHĐ, *Chợ*

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mã Thị Tươi